

HỘI ĐÔNG Y HÀ NỘI

Sinh bệnh lý và luận trị TẠNG TỖ



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

BIÊN SOẠN:

- TTND.LY. NGUYỄN THIÊN QUYẾN
- LY. LÂM TIẾN ĐÔNG
- TTƯT.BSCK2. NGUYỄN HỒNG SIÊM

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, điều lệ Hội Đông y Việt Nam và truyền bá y thuật nhằm trao đổi, hướng dẫn lý luận, kinh nghiệm chuyên môn Đông y cho cán bộ hội, hội viên.

Hội Đông y Hà Nội thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo từng bậc học, theo trình độ chuyên môn của từng hội viên như: Lớp Bồi dưỡng Lương y Cơ sở, lớp Bồi dưỡng Lương y Chuyên sâu, lớp Châm cứu, lớp Thuốc Nam .v.v.

Để nâng cao kiến thức chuyên sâu cho hội viên, chúng tôi đã kết hợp với TTND.LY. Nguyễn Thiên Quyến – Nguyên Chủ tịch Hội Đông Y Hà Nội và LY. Lâm Tiến Đông biên soạn cuốn “**Sinh bệnh lý và luận trị tạng Tỳ**”. Nhóm biên soạn đã dựa vào các tài liệu kinh điển và tài liệu đương đại để biên soạn ra cuốn sách này với nội dung đi sâu vào chính tạng, mối quan hệ sinh bệnh lý và luận trị tạng Tỳ.

Hy vọng rằng cuốn sách này sẽ mang đến cho độc giả cũng như hội viên chúng ta những kiến thức mới, những kinh nghiệm tìm hiểu về Đông y nói chung và tạng Tỳ nói riêng.

Mong rằng Hội Đông y Hà Nội luôn được kết hợp với các vị cao y trong việc tu thư, dịch thuật, biên soạn nhiều tài liệu chuyên môn quý hơn nữa để không ngừng phổ biến kiến thức chuyên môn cho độc giả và các hội viên./.

T/M HỘI ĐÔNG Y HÀ NỘI

Chủ tịch

TTU'T.BSCK2. Nguyễn Hồng Siêm

LỜI GIỚI THIỆU

Trong hệ thống lý luận cơ bản của Đông y học, việc học tập sinh bệnh lý và điều trị học tạng phủ là một chương trình hàng đầu; Bởi vì qua nghiên cứu tạng phủ, người thầy thuốc hầu như đã vượt được một nửa chặng đường lý luận cơ bản, tiến vào nội dung lý luận sâu hơn. Ở mỗi tạng phủ, được giới thiệu một cách tỷ mỉ như tạng phủ đối với âm dương ngũ hành, đặc tính và công năng của nó, những bộ phận của cơ thể chịu ảnh hưởng của tạng phủ, tạng phủ quan hệ với khí hậu tự nhiên, đối với kinh lạc, tạng đối với tạng, tạng đối với phủ có ảnh hưởng liên quan mật thiết với nhau, nguyên nhân cơ chế và đặc điểm phát bệnh ở mỗi tạng phủ, những bệnh chứng chủ yếu, biện chứng và phương pháp điều trị bệnh của mỗi tạng phủ.v.v. Được giới thiệu trên 13 hạng mục từ dễ đến khó, từ trừu tượng đến cụ thể, giúp cho người nghiên cứu một kiến thức nhất định để tìm hiểu Đông y.

Sách được giới thiệu lần lượt từng tạng một, các tập trước đã giới thiệu đến bạn đọc các tạng Tâm, Can, và lần này giới thiệu tiếp đến tạng Tỳ. Biên soạn lần này, chúng tôi đã cố gắng rút kinh nghiệm, từng câu từng chữ đã được chỉnh sửa gọn gàng hơn, khiến cho người đọc dễ

hiểu hơn, đồng thời còn phụ thêm phần tham luận để cho độc giả hiểu sâu thêm một bước về sinh bệnh lý và luận trị tạng Tỳ; Nhưng song cũng khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong các quý vị đồng nghiệp và bạn đọc góp ý bổ sung thêm.

T/M Nhóm biên soạn

TTND.LY. Nguyễn Thiên Quyển

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	3
<i>Lời giới thiệu</i>	5
Nghiên cứu công năn sinh lý và luận trị tạng Tỳ	7
Tỳ với âm dương ngũ hành	8
I. Thuộc tính âm dương của Tỳ.	8
II. Ngũ hành thuộc tính của Tỳ	12
Đặc tính của Tỳ	15
I. Tỳ chủ thăng thanh	15
II. Tỳ ưa táo ghét thấp	17
III. Tỳ không chủ thời và Tỳ chủ bốn mùa	20
IV. Tỳ chủ trung thổ	22
Công năng của Tỳ	23
I. Tỳ chủ vận hoá	23
1. Vận hoá thủy cốc tinh vi	23
2. Vận hoá thủy dịch	27
II. Tỳ chủ về sinh huyết và thống huyết	29
1. Tỳ chủ sinh huyết	29
2. Tỳ chủ thống huyết	30
III. Tỳ tàng ý	33
Tỳ với miệng, môi, nước bọt, cơ nhục, tứ chi	37
I. Tỳ với miệng môi	37
II. Tỳ và nước bọt	43

III. Tỳ với cơ nhục và tứ chi	44
Tỳ với tự nhiên	48
I. Tỳ với mùa trường hạ	48
II. Tỳ với xuân hạ thu đông	50
III. Tỳ với năm tháng ngày giờ	51
1. Tỳ với năm	51
2. Tỳ với tháng	54
3. Tỳ với ngày	55
4. Tỳ với thời thìn	57
5. Tỳ với địa vực	58
Tỳ với kinh lạc	59
I. Kinh mạch tuần hành của Tỳ	59
II. Tỳ kinh lạc mạch	60
III. Các du huyết của kinh Tỳ	60
IV. Kinh Tỳ với các kinh khác	63
V. Bệnh chứng chủ yếu của Tỳ	67
Tỳ với các tạng khác	68
I. Tỳ với Tâm	68
II. Tỳ với Can	72
III. Tỳ với Phế	78
IV. Tỳ với Thận	83
V. Tỳ với Vị	87
Nguyên nhân gây bệnh của Tỳ	94
I. Ngoại tà phạm vào Tỳ	94

1. Thấp tà phạm Tỳ	95
2. Táo thương Tỳ âm.....	100
II. Tình chí bị khác thường	102
III. Ăn uống bị tổn thương.....	105
1. Tổn thương do ăn.....	105
2. Tổn thương do uống.....	109
IV. Mệt nhọc thương khí	111
V. Đàm ẩm, thủy khí, ứ trọc	113
1. Đàm ẩm.....	113
2. Thủy khí.....	115
3. Ứ trọc	115
VI. Tổn thương do dùng thuốc	117
VII. Các tạng khác mắc bệnh liên lụy đến Tỳ	119
1. Tâm mắc bệnh liên lụy đến Tỳ	119
2. Can mắc bệnh liên lụy đến Tỳ	119
3. Phế mắc bệnh liên lụy đến Tỳ.....	120
4. Thận mắc bệnh liên lụy đến Tỳ	121
Cơ chế gây bệnh của Tỳ	122
I. Vận hóa thất thường	123
1. Tỳ dương khí hư, vận hóa vô lực.....	123
2. Tỳ âm bất túc, vận hóa bị ngăn trở	129
3. Tà khí khốn Tỳ, vận hóa thất thường.....	132
II. Thăng giáng thất thường	133
1. Thanh khí hạ hãm	134

2. Trọc khí thượng nghịch	137
3. Thanh trọc lẫn lộn	140
III. Thống nhiếp vô quyền	141
Đặc điểm phát bệnh của Tỳ	142
I. Biểu hiện bộ vị đặc điểm	142
1. Tỳ Vị đồng bệnh	142
2. Đại Tiểu trường dễ bị liên lụy.....	143
3. Miệng lưỡi.....	144
4. Yết hầu	146
5. Quản phúc	146
6. Tiền âm và mé bên trong chi dưới.....	147
II. Đặc điểm công năng mất điều hòa.....	148
1. Vận hóa thất thường.....	148
2. Thăng thanh phân bố tân dịch thất thường	148
3. Không có khả năng thống huyết	149
4. Cơ nhục tứ chi không vận động được.....	150
III. Đặc điểm biến hóa đặc trưng của cơ thể.....	151
IV. Đặc điểm phát bệnh theo khí hậu bốn mùa	157
V. Đặc điểm nguyên nhân gây bệnh.....	158
1. Thấp dễ làm tổn thương Tỳ	158
2. Ăn uống không điều độ, dễ làm tổn thương Tỳ Vị.....	159
3. Lo nghĩ thương Tỳ	159
4. Mệt nhọc, an nhàn tổn thương Tỳ.....	159
VI. Đặc điểm về thể chất, độ tuổi và giới tính.....	160

102	1. Đặc điểm về thể chất.....	160
407	2. Đặc điểm về tuổi tác	161
402	3. Đặc điểm về giới tính.....	162
70	VII. Đặc điểm thời gian phát bệnh và trị liệu.....	163
	Bệnh chứng chủ yếu của Tỳ	165
80	I. Tỳ trướng	165
11	II. Tỳ tiết	165
41	III. Tỳ khái	166
81	IV. Tỳ đản	167
VI	V. Tỳ tí.....	167
81	VI. Tỳ phong.....	168
13	VII. Tỳ ngược	169
25	VIII. Nhục nuy	170
30	IX. Tỳ ước.....	173
40	X. Tỳ tích	174
69	XI. Mạn Tỳ phong	175
138	XII. Tỳ cam.....	177
148	XIII. Hoắc loạn	178
178	XIV. Phúc thống	182
185	XV. Tiết tả	185
191	XVI. Bĩ đầy.....	191
194	XVII. Cổ trướng.....	194
197	XVIII. Thủy thũng.....	197
201	XIX. Ngủ nhiều.....	201

Biện chứng bệnh Tỳ	204
A. Hư chứng	204
I. Chứng Tỳ khí hư	204
1. Nguồn gốc lịch sử.....	205
2. Nguyên nhân gây bệnh.....	207
3. Phân tích chứng hậu.....	208
4. Chẩn đoán phân biệt.....	212
II. Chứng Tỳ dương hư	214
1. Nguồn gốc lịch sử.....	215
2. Nguyên nhân gây bệnh.....	217
3. Phân tích chứng hậu.....	218
4. Chẩn đoán phân biệt.....	221
III. Chứng Tỳ âm hư	225
1. Nguồn gốc lịch sử.....	226
2. Nguyên nhân gây bệnh.....	229
3. Phân tích chứng hậu.....	230
4. Chẩn đoán phân biệt.....	232
IV. Tỳ khí hạ hãm	236
1. Nguồn gốc lịch sử.....	237
2. Nguyên nhân gây bệnh.....	239
3. Phân tích chứng hậu.....	239
4. Phân biệt chứng hậu.....	240
V. Tỳ không thông huyết	242
1. Nguồn gốc lịch sử.....	243

2. Nguyên nhân gây bệnh	246
3. Phân tích chứng hậu.....	246
4. Chẩn đoán phân biệt	247
VI. Tỳ hư thấp khốn.....	249
1. Nguồn gốc lịch sử.....	250
2. Nguyên nhân gây bệnh	252
3. Phân tích chứng hậu.....	252
4. Chẩn đoán phân biệt	254
B. Thực chứng.....	257
I. Hàn thấp khốn Tỳ	257
1. Nguồn gốc lịch sử.....	258
2. Nguyên nhân gây bệnh	260
3. Phân tích chứng hậu.....	260
4. Chứng hàn thấp khốn Tỳ với chứng thấp nhiệt ẩm nấu ở Tỳ.....	262
II. Thấp nhiệt ẩm nấu ở Tỳ	262
1. Nguồn gốc lịch sử	263
2. Nguyên nhân gây bệnh	266
3. Phân tích chứng hậu.....	266
4. Chẩn đoán phân biệt	268
C. Kiêm chứng	270
I. Chứng Tâm Tỳ lưỡng hư.....	270
1. Nguồn gốc lịch sử	271
2. Nguyên nhân gây bệnh	273

3. Phân tích chứng hậu.....	273
4. Loại chứng phân biệt	275
II. Chứng Can Tỳ bất hoà	276
1. Nguồn gốc lịch sử.....	276
2. Nguyên nhân gây bệnh	280
3. Phân tích chứng hậu.....	280
4. Chẩn đoán phân biệt	286
III. Tỳ Phế khí hư.....	288
1. Nguồn gốc lịch sử.....	289
2. Nguyên nhân gây bệnh	291
3. Phân tích chứng hậu.....	292
4. Chẩn đoán phân biệt	293
IV. Tỳ Thận dương hư	294
1. Nguồn gốc lịch sử.....	296
2. Nguyên nhân gây bệnh	299
3. Phân tích chứng hậu.....	300
4. Chẩn đoán phân biệt	304
V. Tỳ Vị bất hoà.....	307
1. Nguồn gốc lịch sử.....	308
2. Nguyên nhân gây bệnh	310
3. Phân tích chứng hậu.....	310
4. Chẩn đoán phân biệt	316
D. Các bệnh chứng liên quan.....	319
I. Bệnh chứng về miệng	319

1. Nguồn gốc lịch sử	319
2. Nguyên nhân gây bệnh	320
3. Phân tích chứng hậu.....	321
II. Bệnh chứng về cơ nhục.....	325
1. Nguồn gốc lịch sử	325
2. Nguyên nhân gây bệnh	327
3. Phân tích chứng hậu.....	327
III. Bệnh chứng về chân tay.....	329
1. Nguồn gốc lịch sử	329
2. Nguyên nhân gây bệnh	331
3. Phân tích chứng hậu.....	332
4. Chẩn đoán phân biệt	333
IV. Bệnh chứng của ý	334
1. Nguồn gốc lịch sử	335
2. Nguyên nhân gây bệnh	336
3. Phân tích chứng hậu.....	337
4. Chẩn đoán phân biệt	337
Điều trị bệnh Tỳ	339
A. Các phép trị cơ bản	342
I. Phép bổ Tỳ khí.....	342
1. Phép bổ khí kiện Tỳ thích hợp với chứng Tỳ khí hư nhược	342
2. Phép ích khí thăng dương thích hợp với chứng Tỳ hư khí nhược, khí cơ hạ hãm.....	344
3. Phép bổ Tỳ nhiếp huyết thích hợp với Tỳ dương khí hư ..	347

II. Phép ôn Tỳ dương	348
1. Phép ôn trung hoá thấp	348
2. Phép ôn trung tán hàn	349
III. Phép tư Tỳ âm	351
IV. Phép tả Tỳ	354
V. Phép tỉnh Tỳ trợ vận	354
VI. Phép vận Tỳ trừ thấp	356
VII. Phép phù thổ ức mộc	357
VIII. Phép ích hoá để sinh thổ	358
IX. Phép bổ thổ sinh kim	360
B. Phương thuốc thường dùng	361
I. Phương thuốc bổ Tỳ khí	361
1. Bổ khí kiện Tỳ	361
2. Ích khí thăng dương	363
3. Bổ Tỳ nhiếp huyết	365
II. Phương thuốc ôn Tỳ dương	366
1. Ôn trung hóa thấp	366
2. Ôn trung tán hàn	367
III. Phương thuốc tư Tỳ âm	370
1. Ích Tỳ tư sinh tán	370
2. Gia giảm Ích Tỳ thang	370
3. Ích Tỳ thoái nhiệt thang	371
IV phương thuốc tả Tỳ	372
1. Tả hoàng tán	372

2. Liên phác âm.....	373
V. Phương tỉnh Tỳ trợ vận.....	373
1. Hoắc hương chính khí tán.....	373
2. Lục hòa thang.....	374
VI. Phương vận Tỳ trừ thấp.....	374
1. Hoắc phác hạ linh thang.....	374
2. Bình vị tán.....	375
3. Nhân trần cao thang.....	375
4. Chu sa hoàn.....	375
Thảo luận chuyên đề.....	377
I. Tỳ nên thăng tức là kiện.....	377
1. Con người tương ứng với trời đất.....	377
2. Tỳ Vị là khí cơ thăng giáng kết nối của cơ thể.....	379
3. Tỳ vận hóa và phân bố thủy cốc tinh vi để nuôi dưỡng toàn thân.....	381
II. Quan sát về âm hoá.....	383

NGHIÊN CỨU CÔNG NĂNG SINH LÝ VÀ LUẬN TRỊ TẠNG TỖ

Tỳ là một trong năm tạng, vị trí nằm ở phía trên của bụng, mặt dưới của cách mạc, nằm sâu ở xương sườn trái, áp sát bên cạnh phía trên bên trái của Vị. Sách Y học nhập môn của Lý Diên đời nhà Minh mô tả tạng Tỳ giống hệt hình móng ngựa. Sách Y quán của Triệu Hiếu Khả đời Minh thì nói “Màu sắc đỏ tía như gan ngựa, hình như cái liềm”. Sách Y cương tổng quát thì lại nói “Hình như lưỡi chó, giống như mào gà”. Công năng sinh lý chủ yếu của Tỳ là chủ về vận hóa, thống huyết, vận chuyển và phân bố thủy cốc tinh vi, là nguồn sinh hóa khí huyết của cơ thể, ngũ tạng lục phủ, tứ chi trăm đốt đều phải dựa vào sự nuôi dưỡng của Tỳ, cho nên còn nói Tỳ là “Gốc của hậu thiên”. Âm dương thuộc tính của Tỳ là thuộc âm, ngũ hành quy thuộc loại “Thổ”, tương thông với khí của mùa trường hạ. Tỳ ở trong học thuyết Tạng tượng chiếm một vị trí đặc biệt trọng yếu. Con người ta sau khi sinh ra, sự duy trì hoạt động sinh mệnh một phút cũng không thể tách rời được sự nuôi dưỡng chuyển hoá chất tinh vi của Tỳ Vị. Cho nên mục Luận Tỳ Vị sách Loại kinh của Trương Cảnh Nhạc đời Minh nói “Thổ là gốc của vạn vật, Tỳ Vị là gốc của tạng phủ, cho nên nó đi lên tới đầu, đi xuống tới chân, không có nơi nào là không tới...”, Tỳ vị trí ở trung tiêu, chủ thăng thanh, là

bản lề của thăng giáng khí cơ của cơ thể, có mối quan hệ giữa các tạng và kinh lạc vô cùng mật thiết.

Do bởi Tỳ Vị là gốc của hậu thiên, do đó mà khắc phục được bệnh tật, cũng như khí của Tỳ Vị mạnh hay yếu có mối tương quan rất mật thiết. Tất cả các loại thuốc khi uống vào miệng, tất lại phải dựa vào sự hấp thụ của Tỳ Vị mới đi được tới các tạng phủ kinh lạc, nếu như Tỳ hư vận hành sức thuốc vô lực, thì hiệu quả điều trị sẽ kém, cho nên các thầy thuốc điều trị đối với tạng Tỳ rất được coi trọng, bàn luận đối với tạng Tỳ cũng khá phong phú.

TỠ VỚI ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH

I. THUỘC TÍNH ÂM DƯƠNG CỦA TỠ

Bởi vì đặc điểm và công năng tạng phủ của con người ta khác nhau, cho nên thuộc tính âm dương cũng có chỗ khác nhau, Tỳ là một trong năm tạng, có đặc điểm độc đáo là tàng tinh khí mà không tả, mà thuộc tính âm dương là thuộc âm. Sách Kim quỹ chân ngôn luận của Tố Vấn nói: “Nói âm dương trong tạng phủ của cơ thể người ta, thì tạng là thuộc âm, phủ thì thuộc dương. Năm tạng: Can, Tâm, Tỳ, Phế, Thận đều thuộc âm; lục phủ: Đám, Vị, Đại trường, Tiểu trường, Bàng quang và Tam

tiêu là thuộc dương”. Theo tổng thể giới định thuộc tính âm dương của Tỳ là thuộc âm.

Căn cứ vào phân định âm dương của các tổ chức tạng phủ trong cơ thể con người ta thì nửa người trên thuộc dương, nửa người dưới thuộc âm, phía bên ngoài thuộc dương, bên trong thuộc âm. Sách Thọ yếu cương nhu của Linh Khu nói: “Tuy nhiên bên trong lại còn có âm dương, bên ngoài cũng có âm dương. Ở bên trong ngũ tạng thuộc âm, lục phủ thuộc dương, phía bên ngoài thì gân cốt thuộc âm, bì phu thuộc dương”. Cũng từ nội bộ của ngũ tạng mà nói thì Tâm Phế cư trú ở thượng tiêu (vùng ngực) thuộc dương, Can, Tỳ, Thận cư trú ở hạ tiêu (vùng bụng) thuộc âm. Sách Kim quỹ chân ngôn luận của Tố Vấn nói “Bụng thuộc âm, là chí âm ở trong âm, chính là Tỳ vậy.” Chí có nghĩa là tận cùng, sách của Linh Khu gọi Tỳ là “Tấn Tạng”, Tỳ là đại nguồn của khí huyết, Tỳ là âm thổ, vì âm tạng lại cư ở âm phận, cho nên mới gọi là chí âm ở trong âm. Lại có câu nói Tỳ thuộc Thái âm, Thái là to lớn vậy, đó cũng là chỉ cái tận cùng cực của âm. Do đó có thể thấy Tỳ thuộc âm là chí âm ở trong âm. Sách Kim quỹ chân ngôn luận của Tố Vấn nói: “Sở dĩ muốn biết âm ở trong âm, dương ở trong dương là tại sao? vì mùa đông bệnh tại âm, mùa hạ bệnh tại dương đều coi là như vậy, điều trị bằng châm thạch vậy”. Đã chỉ ra ranh giới thuộc tính âm dương của tạng phủ, kinh lạc, là vì chẩn đoán được vị trí của bệnh, lấy châm thạch để

điều trị. Kinh mạch của Túc Thái âm Tỳ, nó được gọi là âm ở trong âm, vị trí đóng đô ở bên dưới, cho nên gọi là Thái âm, Thái âm bắt đầu từ Ân bạch, gọi là âm ở trong âm vậy. Sách Âm dương lý hợp luận của Tô Vấn nói: “Bên trong đã là âm, lại cư trú ở phía bên dưới, nên mới gọi là Thái âm, Thái âm gốc bắt đầu từ Ân bạch, nên mới gọi là âm trong âm”. Mạch Xung ở phía dưới Tỳ tương thông với kinh mạch của Tâm Tỳ, mà Tâm lại ở trên Hoàn cách, cho nên sách Âm dương lý hợp luận của Tô Vấn nói: “Nửa trên cơ thể gọi là Quảng minh, nửa người phía dưới gọi là Thái âm, phía trước Thái âm gọi là Dương minh”. Trong tam âm, tam dương, lưng ở phía ngoài thuộc dương, trong sinh hoạt, hoạt động của con người phần nhiều chịu ánh sáng chiếu rọi, dương khí đầy đủ, lấy cái tên Thái dương tức là nói cái cực thịnh của dương; Bụng trên với ngực cũng chịu nhiều ánh sáng thuộc dương, khu vực phía trước người thuộc dương và nửa phần phía trên thuộc dương, cả hai bộ phận đều trùng hợp tức là hai dương tương hợp, cho nên mới gọi là Dương minh, vị trí ở trước Thái âm, từ huyết Thiên khu trở lên, hai bên sườn được sưởi ấm yếu hơn, gọi là Thiếu dương hay là Thứ dương; Bên ngoài là dương, bên trong là âm, phần trung ương của cơ thể có Tỳ cư trú gọi là Thái âm, nói là tận cùng của âm, cho nên mới gọi là “Âm trong âm”, là “Chỉ âm ở trong âm”.

Sách Thiên nguyên kỷ đại luận của Tô Vấn nói: “ Khí của âm dương, có cái nhiều cái ít, cho nên mới gọi là tam âm, tam dương vậy. Hình có thịnh có suy, gọi cai trị theo ngũ hành, đều có thái quá và bất cập vậy”. Biến hoá thời gian trong một năm có chia ra âm dương, năm tạng với thời khí cùng song hành mà phân ra âm dương, Tỳ thuộc âm Thổ, tương ứng với thấp của mùa Trường hạ, Trường hạ thử thịnh hun đốt, thấp khí tối thịnh, người ta ăn uống nhiều nước, hoặc là ăn hoa quả bừa bãi, thấp theo thiên khí, thấp theo địa khí, thấp theo ăn uống, cả ba cùng gộp lại, thấp khí của người ta rất thịnh, đó cũng là sự cần thiết để cho Tỳ khí kiện vận, vận hoá thủy thấp, khiến cho cơ thể không bị thấp khí trong ngoài quấy rối, sở dĩ nói Tỳ mạnh về mùa Trường hạ, Trường hạ là khí của bốn mùa, ở trong một năm, nửa đầu năm thuộc dương, cuối năm thuộc âm, từ Xuân phân đến Thu phân là thuộc dương, từ Thu phân đến Xuân phân thuộc âm. Trường hạ là ở giữa Đại thử đến Thu phân, là chủ lệnh của Thái âm Tỳ thổ, lấy tiết lệnh để suy đoán, gọi là âm ở trong âm.

Lấy nội bộ tạng Tỳ mà nói, căn cứ vào đặc điểm sự vật rõ ràng là có thể phân tích tính âm dương vô hạn, bản thân Tỳ cũng chia ra Tỳ âm và Tỳ dương. Sở dĩ nói Tỳ âm là chỉ tân dịch của Tỳ, nói Tỳ dương là chỉ trong quá trình hoạt động vận hoá của Tỳ, lại bắt đầu từ dương khí có tác dụng ôn chiếu, là phản ánh dương khí trong cơ thể ở phương diện công năng của tạng Tỳ. Nếu bản chất bẩm

sinh Tâm huyết khuy tôn; Thổ tả hoặc nhiệt bệnh, ồm lâu tôn thương liên lụy đến Tỳ âm; Ăn nhiều đồ cay nóng, tôn thương âm tân; Tình chí không thoải mái, ngũ chí hoá hoả thương âm; Do sai lầm dùng nhiều thuốc cay táo làm tôn thương Tỳ âm; Lại còn Tỳ Vị khí hư, vận hoá kém, âm tân thiếu nguồn bổ sung.v.v, đều có thể dẫn đến âm dịch của Tỳ bất túc, táo nhiệt từ trong sinh ra. Lâm sàng biểu hiện các chứng trạng chủ yếu như đại tiện bí, gầy còm, vận hoá trì trệ, bụng trướng, miệng khô.v.v. Nếu như ăn quá nhiều đồ sống lạnh, hoặc ồm lâu làm tôn thương dương khí của Tỳ Vị, hoặc sai lầm dùng thuốc hàn lương khắc phạt, đều có thể dẫn đến Tỳ dương bất túc, vận hoá vô lực, lâm sàng lấy biểu hiện chủ yếu như vùng quản phúc lạnh đau, ỉa chảy, chân tay lạnh.

II. NGŨ HÀNH THUỘC TÍNH CỦA TỖ

Trong ngũ hành quy loại Tỳ thuộc thổ, Sách Âm dương ứng tượng đại luận của Tố Vấn nói: “Trung ương sinh thấp, thấp sinh thổ, thổ sinh cam, cam sinh Tỳ, Tỳ sinh nhục, nhục sinh Phế, Tỳ khiêu là miệng. Mà tại trời là thấp, tại đất là thổ, tại cơ thể là nhục, tại tạng là Tỳ, tại sắc là màu vàng, tại âm là cung, tại thanh là ca, tại biến động là sôi bụng, khai khiêu ra miệng, ứng với vị ngọt, và chí là suy nghĩ”. Tỳ là gốc của hậu thiên, là đại nguồn của khí huyết, nằm tạng sáu phủ, chân tay trăm đốt đều phải dựa vào tinh vi của thủy cốc mà hoá sinh mà nuôi

dưỡng, cũng giống như đất nuôi dưỡng vạn vật, cho nên mới gọi là “Thổ tạng”, “Tỳ thổ”, “Khôn thổ”.

Tỳ vượng vào mùa Trường hạ, tức là từ sau Mang chủng mười ngày đến sau Xử thử bảy ngày, là thời gian thấp khí lưu hành, đó là thời kỳ thổ khí phát huy tác dụng. Sách Ngũ thường chính đại luận của Tô Vấn nói: “Thổ gọi là Bị hoá...chủ lệnh là thấp, thuộc tạng”, ở trong ngũ hành lấy thổ là hình tượng của Trường hạ, ở trong khí hậu biến hoá có nhiều thấp, trong quá trình phát triển sinh trưởng hoá thân tàng là một hệ thống thuộc về “hoá”. Vào lúc này lấy thời điểm mặt trời mọc vào giờ Dần, mặt trời lặn vào giờ Tuất, vì ban ngày dài nhất, trên bề mặt bán cầu chịu ánh nắng mặt trời chiếu rọi nhiều nhất, thời gian này là thời kỳ ngày dài nhất trong năm. Từ đó mà trời đất bốc nóng, trên dưới hun đốt, thuỷ hoả giao tranh, mây mưa xuất hiện, thấp khí cực thịnh. Trường hạ là giao giới của mùa hạ và mùa thu, là thời kỳ giữa năm, cho nên mới gọi là “Trung ương sinh thấp”. Vào thời kỳ này nóng ẩm xông bốc, thấp thổ keo nhớt, thực vật được tưới tắm nuôi dưỡng no nê của mây mưa thấp thổ, từ đó mà cành lá sinh trưởng tốt tươi, biến hoá rất nhanh, sắp đến lúc cùng cực, cho nên gọi là “Thấp sinh thổ”. “Thổ biểu tượng cho cây trồng gặt hái”, kết hợp với cơ thể con người, tạng Tỳ vị trí ở trung tiêu, vận hóa luân chuyển chất tinh vi thuỷ cốc và thuỷ thấp. Tỳ khai khiếu ra miệng, ở trong ngũ thể chủ về nhục. Tỳ

mỗi khi phát bệnh thì biểu hiện bệnh biến chủ yếu là ăn uống vô vị, cơ nhục mềm, yếu vô lực.

Trong ngũ hành, thổ sinh kim, hỏa sinh thổ, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy. Lấy ngũ tạng phân thuộc ngũ hành, thì Tỳ cũng có cái sinh ra mình, cũng có sinh ra con, có cái khắc mình và mình khắc cái kia, bao gồm bốn phương diện: Phế là con của Tỳ, Tâm là mẹ của Tỳ; Tỳ lại bị Can mộc khắc phạt, Tỳ thổ lại khắc Thận thủy.

Tỳ vận hóa thủy cốc tinh vi, đưa lên vào mạch của Phế, Phế có nhiệm vụ phân bố phát tán ra bên ngoài, cái trong trèo đi xuống, tức là “Thổ sinh kim”. Phế hoá thành táo kim, lạnh buốt khoẻ khoắn, sạch sẽ giáng xuống, âm khí mới bắt đầu liễm, sở dĩ lấy thăng phát sơ tiết thái quá thừa chế Can mộc, tức là “Kim khắc mộc”. Sự chế ước bình thường của kim khắc mộc, thì mộc khí sẽ không quá mạnh, mộc không quá thắng thì sẽ không khắc thương khí của Tỳ thổ, mà thu được ích lợi cho thổ sinh kim.

Can mộc thăng phát sơ tiết, thừa chế cái âm ngưng đọng của Tỳ thổ, mà khiến cho thủy cốc, thủy thấp được vận hoá, thổ được mộc thì đạt (đạt được mục đích), tức là hiện tượng “Mộc khắc Thổ”. Mộc khắc thổ tức là thổ khí không quá thắng, thổ không thắng thì sẽ không khắc thương Thận thủy, từ đó mà có thể thu được lợi ích của Thủy sinh mộc.

Tỳ thổ vận hoá khiến cho tân dịch phân bố lưu thông, thừa chế cái tiềm tàng và tràn lan của Thận thủy, tức là thổ khắc thủy. Thổ khắc thủy làm cho thủy khí không quá thắng, thủy không quá thắng thì sẽ không làm tổn thương quân hoá, tướng hoá, từ đó mà có thể thu được lợi ích hỏa sinh thổ.

Trong quá trình điều trị, lấy ngũ hành tương sinh tương khắc để so sánh sự đấu tranh của tà khí, để biết được sự thiên thịnh thiên suy, từ đó mà chọn ra được phương pháp điều trị bổ mẹ tả con, chế cái mạnh nâng đỡ cái yếu, để điều chỉnh cái lệch lạc. Nếu như Tỳ mà làm liên lụy đến Tâm (con cướp khí của mẹ) điều trị lấy bồi bổ Tỳ khí kiêm dưỡng Tâm thần; Phế hư ho lâu ngày, đồng thời xuất hiện Tỳ Vị hư nhược, ăn uống giảm sút, đại tiện nhão, điều trị nên bổ thổ sinh kim, khiến cho công năng của Tỳ Vị được kiện toàn, ăn uống sẽ tốt dần lên, đại tiện nhão tự khỏi, Phế được cốc khí nuôi dưỡng, ho lâu ngày không điều trị cũng sẽ tự khỏi.

ĐẶC TÍNH CỦA TỖ

I. TỖ CHỦ THĂNG THANH

Sở dĩ nói thăng, có nghĩa là từ dưới đi lên, thăng phù lên trên, năm tạng đều có thăng giáng, chính là ở chỗ tác